

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 124/CV-NH đề ngày 21/02/2024 của Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hà về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy Thủy điện Ea Súp 3” địa chỉ tại xã Ea Tir, huyện Ea H’leo và xã Ea Kuêh, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk kèm theo hồ sơ bổ sung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT ngày 29/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hà, địa chỉ số 31 đường Lê Lợi, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy Thủy điện Ea Súp 3” địa chỉ tại xã Ea Tir, huyện Ea H’leo và xã Ea Kuêh, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy Thủy điện Ea Súp 3.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Ea Tir, huyện Ea H’leo và xã Ea Kuêh, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hà số 6000371414 đăng ký lần đầu ngày 17/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 40121000017 chứng nhận lần đầu ngày 17/9/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 02/6/2017.

1.4. Mã số thuế: 6000371414.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện (Thủy điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 589.968 m².

- Công suất: 02 tổ máy với công suất 6,4 MW (mỗi tổ máy là 3,2 MW).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hà.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hà có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ea H'leo và huyện Cư M'gar tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Ea H'leo;
- UBND huyện Cư M'gar;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hà, đ/c: số 31 Lê Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: VT, NNMT (H. 05b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:****1.1. Nước thải sinh hoạt:**

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh;
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà bếp;
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu tắm, giặt;

Nguồn số 01, 02, 03 được xử lý sơ bộ thông qua các bể có chức năng (bể tự hoại, thiết bị tách dầu mỡ, hố ga lắng cặn) để giảm thiểu chất thải trong nước sau đó đưa về hố gom chung dẫn qua bể lắng để lưu chứa (Bể lắng có thể tích 18 m³ kích thước: dài x rộng x cao = 4m x 2,5m x 1,8m), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ 1 tháng/lần.

1.2. Nước thải sản xuất:

- + Nguồn số 04: Nước tháo làm mát dầu bôi trơn gôđơ và dầu thủy lực (Nguồn số 04 là nước sạch dùng mục đích làm giảm nhiệt độ dầu bôi trơn gôđơ và thủy lực).
- + Nguồn số 05: Nước rò rỉ qua gian máy có nhiễm dầu (Nguồn số 05 là rò rỉ nhiễm dầu tràn trên mặt sàn chảy về hố kỹ thuật và hố gom để lắng cặn và tách dầu bằng tấm mút, sau đó được bơm dẫn xả về suối Ea Súp).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ea Súp thuộc xã Ea Tir, huyện Ea H'leo và xã Ea Kuêh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

2.2. Vị trí xả nước thải

2.2.1. Vị trí xả nước làm mát dầu bôi trơn gôđơ và dầu thủy lực (nguồn số 04)

- Suối Ea Súp thuộc xã Ea Tir, huyện Ea H'leo và xã Ea Kuêh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ xả thải: X=452220, Y=1443559 và X=452226, Y=1443547 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Vị trí xả nước rò rỉ qua gian máy có nhiễm dầu (nguồn số 05)

- Suối Ea Súp thuộc xã Ea Tir, huyện Ea H'leo và xã Ea Kuêh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ xả thải: X=452228; Y=1443545 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 12,98 m³/ngày.đêm, tương đương 0,54 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ nguồn số 04 (Nước làm máy dầu bôi trơn và dầu thủy lực): tối đa 12,48 m³/ngày.đêm

- Nước thải từ nguồn số 05 (Nước rò rỉ qua gian máy có nhiễm dầu): tối đa 0,5 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 04: Tự chảy theo đường ống sắt D60 ra suối Ea Súp.

- Dòng nước thải số 05: Bơm cưỡng bức theo đường ống PE D45 ra suối Ea Súp

- Hình thức xả nước thải: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 04: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

- Dòng nước thải số 05: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT cột B với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,2$ - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng (chủ cơ sở tự nguyện cam kết thực hiện 06 tháng/lần để tự theo dõi, giám sát)	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Chất rắn lơ lửng(TSS)	mg/L	108		
3	COD	mg/l	162		
4	BOD ₅	mg/l	54		
5	Pb	mg/l	0,54		
6	Kẽm (Zn)	mg/l	3,24		
7	Sắt (Fe)	mg/L	5,4		
8	Đồng (Cu)	mg/L	2,16		
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	10,8		
10	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D90 dẫn về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 10m³ (kích thước 2,5m x 2,0m x 2,0m) để xử lý sơ bộ sau đó nước thải chảy qua hố thu gom chung bằng tuyến đường ống PVC D114 tiếp theo nước thải từ hố thu gom chung sẽ tự chảy về bể lắng để lưu chứa và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà bếp chảy qua song chắn rác trước khi dẫn vào ống ruột gà Ø34mm đến thiết bị tách mỡ tách dầu mỡ kích thước 37,5cm x 27,5 cm x 31 cm đặt nổi tại khu vực nhà bếp sau đó dẫn ra hố thu gom chung theo tuyến ống PVC D114mm. Từ hố thu gom chung nước thải sẽ tự chảy về bể lắng để lưu chứa và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ.

- Nguồn số 03: Nước thải khu vực tắm, giặt được thu gom bằng đường ống PVC D114mm dẫn đến hố ga lắng cặn theo tuyến ống PVC D114mm dẫn vào hố ga thu gom chung sau đó đưa về bể lắng để lưu chứa chờ đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình tháo làm mát dầu bôi trơn gôđơ và dầu thủy lực là nước sạch lấy từ suối Ea Súp được dẫn vào bằng ống thép D60 phát sinh không đồng thời và được dẫn ra kênh xả bằng ống thép D60 xả trực tiếp ra suối Ea Súp.

- Nguồn số 05: Nước thải rò rỉ và nước mặt sàn vận hành được thu gom vào 02 bể kỹ thuật với tổng thể tích 32m³, sau đó được dẫn bằng ống PVC Ø114mm về bể gom (kích thước 1,2m x 1,2m x 3,3m) với tổng thể tích 4,75 m³ để lắng cặn và tách dầu (bằng tấm mút), sau đó được bơm dẫn ra kênh xả dẫn về lại suối Ea Súp bằng đường ống PE Ø45mm. Tấm mút tách dầu sau khi sử dụng được thu gom về khu vực chứa chất thải nguy hại định kỳ 2 tuần/lần. Cơ sở ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hố thu gom chung → Bể lắng → Đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Số lượng: 01 bể.

- Vị trí: Nhà sinh hoạt nhân viên

- Dung tích thiết kế: 10 m³/bể; kích thước: 2,5m x 2,0m x 2,0m.

1.2.2. Thiết bị tách dầu:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà bếp → Rõ tách rác inox → Ngăn tách mỡ → Ngăn lắng cặn → Ngăn lọc → Hồ thu gom chung → Bể lắng → Đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Số lượng: 01 thiết bị.

- Vị trí: Nhà sinh hoạt nhân viên

- Dung tích thiết kế: kích thước 37,5cm x 27,5cm x 31cm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra thiết bị, theo dõi quá trình hoạt động đảm bảo ổn định của các hệ thống xử lý nước thải.

- Khi xảy ra sự cố đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải, phải tạm dừng các hoạt động tại các công đoạn phát sinh để kiểm tra, khắc phục. Trường hợp thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố trong thời gian dài, phải tạm ngừng hoạt động sản xuất để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Chỉ được vận hành lại khi công trình, thiết bị xử lý nước thải đảm bảo xử lý được nước thải phát sinh.

- Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, tránh tình trạng tắc nghẽn gây hiện tượng ngập úng khi có mưa lớn. Khi xảy ra sự cố tắc, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải, cử cán bộ tìm kiếm, xác định vị trí bị tắc, vỡ để thực hiện thông đường ống tắc nghẽn; thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.

- Định kỳ tổ chức quan trắc, phân tích mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

- Thực hiện đúng, đầy đủ quy trình vận hành hồ chứa thủy điện theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Bể xử lý nước rò rỉ và tách dầu.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Bể xử lý nước rò rỉ và tách dầu.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Cửa xả nước thải ra kênh xả trên suối Ea Súp.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: đáp ứng yêu cầu tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể là 03 mẫu nước thải trong 03 ngày liên tiếp tại mỗi vị trí lấy mẫu.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi đưa vào tái sử dụng theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở..

3.4. Việc chuyển giao nước thải cho đơn vị khác xử lý phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chuyển giao nước thải theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ..

3.5. Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hà chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Phòng đặt tuabin tổ máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ: X = 452227; Y = 1443556.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, bảo dưỡng định kỳ cho máy móc thiết bị, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ,.

- Đối với các nguồn phát sinh độ rung lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm độ rung.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ ốp tai chống ồn và bắt buộc công nhân phải sử dụng khi tiếp xúc những nơi có độ ồn lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị, đảm bảo các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	kg/năm	02
2	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	kg/năm	05
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	kg/5 năm	3.000
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	kg/năm	55
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 06	kg/năm	15
Tổng cộng (không bao gồm chất thải số 3)				77

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Ốc vít, bu lông, dây điện, sứ cách điện hỏng,...	kg/năm	136,5
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, bùn từ quá trình nạo vét rãnh thoát nước không có thành phần nguy hại	kg/năm	30
Tổng cộng			166,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
01	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm, thức ăn thừa ...)	3
02	Chất thải có khả năng tái chế (Giấy các loại; vỏ chai nhựa; vỏ chai bằng thủy tinh, vật liệu kim loại khác)	1
	Tổng cộng	4

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 05 thùng phuy sắt loại 200 lít.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:*

- 01 nhà kho lưu chứa có diện tích 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao quanh và mái che; nền xi măng chống thấm, rãnh, hố thu gom chất thải lỏng; có khóa cửa và dán biển cảnh báo theo quy định; biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- 01 nhà kho lưu chứa có diện tích 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao quanh và mái che, nền xi măng chống thấm; có khóa cửa và dán biển cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa chất thải sinh hoạt:*

- Thiết bị lưu chứa rác thải không có khả năng tái chế: Gồm có 05 thùng chứa loại 10 lít (đặt tại khu vực nhà ở công nhân, khu vực bếp) .
- Thiết bị lưu chứa rác thải có khả năng tái chế 01 thùng chứa có nắp đậy loại 120 lít (đặt tại khu nhà ở công nhân).

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hà có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu chứa chất thải phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn điện, an toàn hóa chất, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.